

Số: **11** /KH-UBND

Lục Ngạn, ngày **11** tháng 01 năm 2019

**KẾ HOẠCH
Sản xuất vụ Xuân năm 2019**

I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH

1. Tình hình thời tiết khí hậu, nước tưới

Theo nhận định của Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn Quốc gia: hiện tượng ENSO nhiều khả năng sẽ chuyển sang trạng thái En Nino từ tháng 11/2018 với xác suất xuất hiện vào khoảng 60%-70%.

Nhiệt độ trung bình các tỉnh phía Bắc, tháng 1 và tháng 2/2019 ở mức cao hơn xi trung bình nhiều năm (TBNN) cùng thời kỳ khoảng 0,5⁰C, tháng 3 và tháng 4/2019 có khả năng cao hơn TBNN khoảng 1⁰C. Các đợt rét đậm, rét hại xuất hiện từ 4 đến 7 ngày tập trung trong tháng 01, nửa đầu tháng 02/2019.

Tổng lượng mưa từ tháng 01 đến tháng 4/2019 phổ biến thấp hơn TBNN từ 10-25%. Mực nước các sông trên địa bàn tỉnh Bắc Giang tương đương cùng kỳ nhiều năm; dung tích các hồ chứa vừa và lớn tương đối cao, hiện tại mực nước đạt trung bình 80-85% dung tích thiết kế. Nhận định sẽ đảm bảo đủ nước đổ ải và tưới dưỡng cho sản xuất vụ Xuân 2019.

2. Quan điểm chỉ đạo

Xây dựng kế hoạch sát với tình hình thực tế, diện tích gieo trồng của các địa phương; tập trung chỉ đạo gieo trồng hết diện tích kế hoạch được giao. Ưu tiên sử dụng các giống ngắn ngày, cây trà Xuân muộn là chủ lực; Có phương án phòng chống sâu bệnh gây hại ngay từ đầu vụ.

Điều chỉnh cơ cấu giống phù hợp với tình hình thời tiết và nhu cầu thị trường. Do dự báo thời tiết đầu vụ ấm hơn so với TBNN, nên quan điểm chỉ đạo thực hiện đúng khung lịch thời vụ, không gieo cấy quá sớm lúa sinh trưởng, phát triển nhanh và trở sớm để gặp điều kiện thời tiết bất lợi sẽ ảnh hưởng đến năng suất.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VỤ XUÂN

1. Kế hoạch sản xuất các cây trồng

Tổng diện tích cây trồng chính vụ Xuân năm 2019 là 4.395 ha. Trong đó:

a) *Cây lúa*: Diện tích 1.175 ha, năng suất 57 tạ/ha, sản lượng 6.700 tấn.

b) *Cây ngô*: Diện tích 730 ha, năng suất 44 tạ/ha, sản lượng 3.240 tấn.

c) *Khoai lang*: Diện tích 210 ha, năng suất 80 tạ/ha, sản lượng 1.680 tấn.

d) *Cây lạc*: Diện tích 300 ha, năng suất 27 tạ/ha, sản lượng 810 tấn.

e) *Rau các loại*: Diện tích 800 ha, sản lượng đạt 7.040 tấn. Trong đó: rau các loại 600 ha, ước năng suất 110 tạ/ha, sản lượng đạt 6.600 tấn; đậu các loại 200 ha, năng suất 22 tạ/ha, sản lượng đạt 440 tấn.

d, *Cây khác*: diện tích 1.180 ha, trong đó: 990 ha sắn, năng suất 150 tạ/ha, sản lượng ước đạt 14.850 tấn; cây khác 190 ha.

(Chi tiết có biểu đính kèm)

2. Biện pháp chỉ đạo sản xuất vụ Chiêm Xuân 2019

2.1. Bố trí cơ cấu giống, thời vụ

*** Cây lúa:**

Tùy thời gian sinh trưởng của từng giống, điều kiện cụ thể của địa phương để bố trí lịch thời vụ gieo cấy phù hợp theo nguyên tắc đảm bảo lúa phân hóa đòng và trổ bông gặp thời tiết thuận lợi tập trung từ ngày 01/5- 15/5/2019. Tránh trổ sớm gặp rét, hoặc trổ muộn gặp nóng làm ảnh hưởng đến năng suất.

Tập trung chỉ đạo gieo, cấy 100% diện tích trà xuân muộn, sử dụng những giống lúa ngắn ngày năng suất cao, chất lượng tốt, chống chịu sâu bệnh và điều kiện ngoại cảnh, cho hiệu quả kinh tế cao, cụ thể:

Tập trung gieo mạ từ 25/01 đến 10/2/2019 cấy tập trung trong tháng 2/2019, hoàn thành cây trà Xuân muộn trước ngày 10/3/2019; đối với lúa gieo thẳng thời gian gieo từ 15/2 đến hết tháng 2/2019, sử dụng các giống chủ lực như: giống lúa thuần gồm KD18, Kim cương 111, Thiên ưu 8, BC15, TBR225, Bắc thơm, Hương thơm 1; các giống lúa lai gồm: Syn6, HKT99, BTE-1, TH3-3, LC212...

* **Cây ngô**: Sử dụng các giống lai NK4300, NK6654, NK66, CP999 ... Ngô nếp sử dụng các giống có năng suất cao, chất lượng tốt như: HN88, Nếp Thái, MX6, MX10, ngô ngọt ... Thời gian gieo trồng từ 25/1 đến 10/3/2019.

* **Cây Lạc**: Sử dụng các giống có năng suất cao, chất lượng tốt như: L14, L18, L26... trồng trong tháng 2/2019. Tăng cường áp dụng phương pháp trồng lạc che phủ nilon hoặc có thể sử dụng rơm rạ tại chỗ để che phủ giữ ẩm và tạo chất hữu cơ cải tạo đất.

* **Cây Khoai lang**: ưu tiên mở rộng diện tích trồng khoai lang chất lượng cao như: Hoàng Long, khoai Nhật... đang được thị trường nội địa và xuất khẩu thuận lợi, giá bán cao. Ngoài ra, có thể trồng các giống khoai lang ăn lá làm rau trái vụ cho hiệu quả kinh tế.

* **Cây rau các loại**: Bố trí hợp lý giữa các loại rau ăn lá, ăn củ, ăn quả; căn cứ vào thời gian sinh trưởng của từng loại rau thực hiện trồng rải vụ, tăng diện tích rau trái vụ để nâng cao hiệu quả kinh tế. Các loại rau nguyên liệu chế biến, tùy từng giống và nhu cầu thị trường mà bố trí thời vụ, kỹ thuật trồng cho phù hợp.

Các xã vùng cao tùy điều kiện cụ thể của từng địa phương để bố trí khung lịch thời vụ gieo trồng cho phù hợp.

2.2. Biện pháp kỹ thuật chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh hại

- Đối với cây lúa:

+ Gieo mạ đúng khung lịch thời vụ, chủ động đề phòng mạ già và chống rét cho mạ. Áp dụng kỹ thuật gieo mạ xúc, mạ sân, mạ trên nền đất cứng, mạ khay; làm đất gieo mạ theo luống hẹp (mặt luống rộng từ 1,2-1,5m) để thuận lợi cho che phủ nilon chống rét cho mạ và hạn chế sự nhiễm bệnh vàng lùn xoắn lá, lùn sọc đen. Có kế hoạch gieo mạ dự phòng bằng các giống lúa ngắn ngày để ứng phó kịp thời nếu thời tiết rét đậm, rét hại xảy ra.

+ Những diện tích không trồng cây vụ Đông cần sớm thực hiện làm đất, phơi ải, vệ sinh đồng ruộng hạn chế nguồn dịch hại.

+ Mở rộng diện tích gieo sạ ở chân đất chủ động nước tưới tiêu; chỉ đạo gieo cấy tập trung 1-2 giống cùng trà, theo vùng, khu, xứ đồng để thuận lợi cho việc gieo cấy, chăm sóc, thu hoạch để giảm chi phí sản xuất, tăng hiệu quả sản xuất.

+ Bón phân cân đối, hợp lý, bón lót sâu; nên bón phân tổng hợp NPK thay thế phân đơn, kết hợp sử dụng phân hữu cơ vi sinh, phân vi lượng qua lá, tăng lượng kali cho lúa lai và lúa cao sản. Phương châm bón sớm, bón tập trung, “nặng đầu nhẹ cuối” để lúa sinh trưởng sớm, khỏe, đẻ nhánh tập trung và hạn chế sâu bệnh. Tuyệt đối không bón thúc đạm Urê vào những ngày trời rét đậm, rét hại có nhiệt độ dưới 15°C.

+ Tăng cường áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong canh tác lúa như: SRI, “3 giảm, 3 tăng”; áp dụng biện pháp quản lý cây trồng và dịch hại tổng hợp...; tưới nước tiết kiệm, hiệu quả theo kỹ thuật “nông, lộ, phơi”.

+ Thường xuyên theo dõi diễn biến dịch hại và tình hình sinh trưởng, phát triển của cây trồng; thực hiện tốt công tác dự tính, dự báo và phòng trừ sâu bệnh đảm bảo kịp thời, hiệu quả; không để sâu bệnh phát sinh thành dịch, đặc biệt là những giống lúa nhiễm nặng đạo ôn, rầy nâu; chủ động phòng trừ ốc biêu vàng, chuột, bệnh đạo ôn, vàng lùn xoắn lá, lùn sọc đen, rầy, sâu cuốn lá... hại lúa.

- **Đối với cây ngô:** Đẩy mạnh chuyển đổi trồng ngô từ những diện tích trồng lúa kém hiệu quả, thường xuyên thiếu nước. Tùy điều kiện cụ thể để mở rộng diện tích ngô thực phẩm có thời gian sinh trưởng ngắn (ngô ngọt, ngô nếp) thị trường tiêu thụ ổn định và giá trị kinh tế cao. Trồng tăng mật độ, trồng xen kết hợp với đầu tư thâm canh; thực hiện tốt các giải pháp kỹ thuật để tăng hiệu quả trồng ngô.

- **Đối với cây lạc:** Tăng cường thâm canh, áp dụng biện pháp che phủ nilon, sử dụng rom rạ tại chỗ để che phủ giữ ẩm và tạo chất hữu cơ cải tạo đất.

- **Đối với cây rau các loại:** Mở rộng diện tích sản xuất rau vụ xuân, bố trí hợp lý các loại rau ăn lá, ăn quả, ăn củ; trồng rải vụ, tăng diện tích rau trái vụ để nâng cao giá trị và hiệu quả kinh tế.

- Một số biện pháp kỹ thuật khác:

Tập trung tu bổ, sửa chữa các công trình thủy lợi, nạo vét kênh mương, tích trữ nước sớm trong các ao hồ, kênh mương; điều tiết nước hợp lý, tiết kiệm nước trong các hồ chứa, đảm bảo đủ nước tưới cho cây trồng vụ Xuân 2019.

Đẩy mạnh cơ giới hóa trong làm đất, gieo cấy và thu hoạch đặc biệt trong điều kiện thiếu lao động nông nghiệp để đảm bảo thời vụ, giảm chi phí và công lao động, tăng hiệu quả sản xuất.

2.3. Liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm

Đẩy mạnh sản xuất theo mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác, nhóm nông dân liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Khuyến khích doanh nghiệp liên kết, ký kết hợp đồng sản xuất tiêu thụ nông sản với nông dân trong sản xuất tiêu thụ sản phẩm sau thu hoạch thông qua hợp đồng.

Các xã cần chủ động tổ chức liên kết giữa nông dân với mạng lưới thu

gom, thương lái, doanh nghiệp nhằm tạo ra thị trường tiêu thụ sản phẩm vụ Xuân ổn định, tập trung, có lợi cho nông dân và doanh nghiệp.

Phát triển mở rộng các mô hình sản xuất rau an toàn đáp ứng tiêu chí chất lượng để cung ứng cho các siêu thị, bếp ăn tập thể trường học...tạo kênh tiêu thụ ổn định nâng cao giá trị và hiệu quả sản xuất.

2.4. Quản lý và phát triển một số cây ăn quả

- Cây vải: Tập trung chỉ đạo mở rộng diện tích vải an toàn, sản xuất vải theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP; nâng cao năng lực bảo quản, chế biến, đóng gói; phát triển chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ; đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức xúc tiến thương mại để mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cao giá trị và hiệu quả sản xuất vải thiều.

- Đối với cây ăn quả có múi: Đẩy mạnh ứng dụng sản xuất công nghệ cao trong sản xuất, bảo quản và tiêu thụ, hình thành vùng sản xuất tập trung, mang tính hàng hóa. Khuyến khích thành lập các hợp tác xã, tổ liên kết sản xuất, sản xuất theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ.

2.5. Cơ chế chính sách

Ngoài các chế độ chính sách hỗ trợ giống lúa, lạc giống, ngô giống vụ xuân năm 2019 của UBND huyện, UBND các xã chủ động bố trí nguồn ngân sách địa phương hỗ trợ giá giống, vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật xây dựng mô hình nông nghiệp và hỗ trợ chuyển đổi sản xuất từ những diện tích cây lúa không chủ động nguồn tưới sang trồng cây màu vụ xuân.

2.6. Công tác tuyên truyền

Chính quyền, ban ngành đoàn thể các cấp tích cực tuyên truyền rộng rãi các cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất trong vụ Xuân để người dân, doanh nghiệp được biết tham gia đầu tư sản xuất. Thông qua các kênh thông tin đại chúng như: đài truyền thanh truyền hình, trạm phát thanh xã... tuyên truyền về các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất của huyện, của xã để người dân được biết và tham gia.

Thường xuyên thông tin diễn biến tình hình thời tiết, thủy lợi, dịch hại cây trồng và chỉ đạo hướng dẫn của cơ quan quản lý, cơ quan chuyên môn để người dân chủ động ứng phó cũng như áp dụng thực hiện để sản xuất đạt hiệu quả.

Tuyên truyền các mô hình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật sản xuất có hiệu quả, thực hành sản xuất nông nghiệp tốt đảm bảo an toàn thực phẩm đồng thời làm tốt công tác quảng bá thương hiệu sản phẩm, nhất là các sản phẩm chủ lực, có thế mạnh để mở rộng thị trường và tìm đầu ra ổn định, mang lại hiệu quả cao cho người sản xuất.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn thực hiện tốt kế hoạch sản xuất vụ xuân năm 2019.

2. Công ty TNHH MTV KHTC Thủy lợi

Công ty khai thác công trình thủy lợi xây dựng kế hoạch tưới nước, tiêu úng phù hợp với khung lịch thời vụ gieo cấy và tưới dưỡng cho cây trồng. Dự báo đầu cụ khó khăn về nước tưới nên cần có kế hoạch điều tiết nước hợp lý, tưới nước tiết kiệm.

3. UBND các xã, thị trấn

Sớm triển khai Kế hoạch sản xuất vụ Xuân năm 2019 đến các thôn bản để tổ chức thực hiện kịp thời vụ. Thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc để việc triển khai thực hiện có hiệu quả, hoàn thành kế hoạch giao. Thực hiện chỉ đạo nạo vét kênh mương nội đồng để phục vụ tưới, tiêu thuận lợi. Theo sát lịch xả nước, chuẩn bị các phương án, kế hoạch cấp nước cho đảm bảo đúng thời gian và tiến độ. Chỉ đạo cán bộ chuyên môn thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát nguồn vật tư nông nghiệp cung ứng trên địa bàn.

Trên đây là Kế hoạch sản xuất vụ Xuân năm 2019, đề nghị các cơ quan chuyên môn, các đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện./.

Nơi nhận: *ly*

- Lưu: VT.

Bản điện tử:

- Sở Nông nghiệp và PTNT (B/c);
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Phòng NN& PTNT; TTDVKTNN (T/h);
- Cty TNHH MTV KTCT Thủy lợi (P/h);
- UBND các xã, thị trấn (T/h);
- LĐVP, CVTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Cử Bình
Lê Bá Thành

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT CÂY TRỒNG VỤ XUÂN NĂM 2019

(Kèm theo Kế hoạch số **AA** /KH-UBND ngày **AA** tháng 01 năm 2019 của UBND huyện)

STT	Tên xã, thị trấn	Ngô			Lạc			Khoai lang			Rau các loại	Đậu các loại	Cây khác				
		DT (ha)	NS (tạ/ha)	SL (tấn)	DT (ha)	NS (tạ/ha)	SL (tấn)	DT (ha)	NS (tạ/ha)	SL (tấn)	DT (ha)	DT (ha)	DT Sản (ha)	DT cây khác (ha)			
1	Thị Trấn	1	56,0	560	1	43,7	4	2	27,0	5	1	80	7	6	2		3
2	Cẩm Sơn	70	55,5	388	45	44,0	198	5	25,0	13	7	81	57	20	5	25	6
3	Tân Sơn	100	56,0	560	100	43,5	435	11	25,0	28	6	78	47	17	3	60	4
4	Phong Minh	30	57,0	172	27	43,0	116	1	25,0	3	5	75	38	13	4	1	5
5	Phong Vân	58	55,0	320	80	44,0	355	11	26,0	29	6	76	46	9	5	60	6
6	Sa Lý	50	54,0	270	45	43,0	196	7	26,0	18	4	75	30	10	5	35	4
7	Hộ Đáp	65	55,0	358	65	43,5	285	7	25,5	18	5	79	40	13	4	150	5
8	Sơn Hải	54	57,0	308	40	43,0	175	7	25,0	18	9	75	68	16	8	80	7
9	Thanh Hải	20	57,0	115	6	45,0	30	15	27,0	41	13	76	99	29	12	5	10
10	Kiên Lao	79	58,0	458	26	45,0	120	11	26,0	29	8	82	66	35	13	193	13
11	Biên Sơn	3	57,0	17	20	43,0	90	11	25,0	28	9	83	75	23	8	45	7
12	Kiên Thành	12	56,0	67	20	45,0	90	10	26,5	27	10	81	80	21	8	40	6
13	Hồng Giang	0	-	0	-	45,0	0	2	28,0	6	-	-	0	20	-	-	4
14	Kim Sơn	27	55,5	150	40	44,0	176	6	25,0	15	5	82	41	21	5	40	4
15	Tân Hoa	22	56,5	125	20	43,0	86	8	26,0	21	6	81	49	11	5	20	5
16	Giáp Sơn	0	-	0	3	45,0	15	2	27,0	5	1	82	8	27	4	-	5
17	Biển Động	170	57,0	970	12	43,0	55	8	28,0	22	8	83	67	18	5	-	6
18	Quý Sơn	25	58,0	145	20	45,0	90	19	27,0	51	7	83	58	32	5	-	4
19	Trù Hựu	2	58,0	12	10	45,0	45	9	27,0	25	9	80	72	28	6	-	5
20	Phi Điền	0	-	0	2	44,0	10	3	27,0	9	2	83	17	10	2	-	4
21	Nghĩa Hồ	0	-	0	3	45,0	15	2	27,0	6	2	80	15	19	5	-	6
22	Tân Quang	4	60,0	25	5	45,5	23	5	27,0	14	6	80	48	22	5	-	4
23	Đồng Cốc	5	60,0	30	15	45,0	68	11	26,0	29	5	82	41	25	5	7	2
24	Tân Lập	20	57,0	115	20	45,0	90	15	26,5	40	13	83	108	20	10	10	8
25	Phú Nhuận	60	58,0	348	20	44,0	88	10	25,5	26	8	75	60	19	8	30	7
26	Mỹ An	50	59,0	295	15	46,0	70	19	28,0	54	10	81	80	15	11	9	10
27	Nam Dương	6	59,0	36	13	45,0	60	17	27,0	46	8	80	64	25	7	30	5
28	Tân Mộc	2	61,0	12	7	45,0	32	30	29,0	87	15	79	119	26	14	50	10
29	Đèo Gia	65	59,0	383	30	45,0	135	15	26,0	39	10	80	80	23	12	100	13
30	Phượng Sơn	175	58,0	1015	20	44,0	88	21	27,0	58	12	83	100	27	14	-	12
Tổng cộng		1.175	57,0	6.700	730	44,0	3.240	300	27,0	810	210	80,0	1.680	600	200	990	190